

Số: /BC-SGTVT

Bình Định, ngày tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2021

Theo Văn bản số 352/SNV-CCHCVTLT ngày 05/3/2021 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo cải cách hành chính định kỳ năm 2021; Sở Giao thông vận tải (GTVT) báo cáo công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2021 theo các nội dung sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Về Kế hoạch CCHC

Thực hiện Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 30/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính tại các bộ, ngành, địa phương và Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 05/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường các giải pháp cải thiện, nâng cao chỉ số cải cách hành chính tỉnh Bình Định; Sở GTVT đã ban hành Quyết định số 701/QĐ-SGTVT ngày 30/12/2020 về Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 của Sở.

Theo đó, tổng số nhiệm vụ của Sở GTVT được ban hành kèm theo Kế hoạch là 26 nhiệm vụ. Tất cả các nhiệm vụ được phân bổ chia đều theo từng tháng, quý và xuyên suốt cả năm. Hiện tại, các nhiệm vụ trong Kế hoạch được Sở triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC

- Tiếp tục tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Quyết định số 72/2020/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh bình định; Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2021 đến các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở.

- Trong các cuộc họp giao ban hàng tháng (đều có Thông báo ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Sở), một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong đó có công tác CCHC được lãnh đạo Sở chỉ đạo quyết liệt, quán triệt đến từng phòng, ban, đơn vị trực thuộc phải thực hiện nghiêm túc công tác cải cách hành chính. Đồng thời, tại các cuộc họp của Phòng, Chi bộ đều có đánh giá, triển khai nhiệm vụ công

tác cải cách hành chính đến toàn thể đảng viên, công chức, viên chức và người lao động được biết và thực hiện nghiêm túc. Đây là một trong những tiêu chí để đánh giá, bình xét thi đua cuối năm đối với công chức, viên chức và người lao động trong toàn Sở.

- Nhằm động viên, khuyến khích công chức, viên chức trong công tác thi đua khen thưởng gắn với nhiệm vụ thực hiện cải cách hành chính, hàng năm, Sở GTVT đều có bình xét, khen thưởng vào cuối năm đối với công chức, viên chức thực hiện tốt công tác cải cách hành chính tại từng cơ quan, đơn vị (lồng ghép vào đánh giá cuối năm). Qua bình xét, khen thưởng công tác cải cách hành chính năm 2020, Giám đốc Sở GTVT đã ban hành Quyết định số 12/QĐ-SGTVT ngày 06/01/2021 về tặng giấy khen cho 01 tập thể và 03 cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2020.

3. Về kiểm tra CCHC

Thực hiện Quyết định số 701/QĐ-SGTVT ngày 30/12/2020 của Sở GTVT về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021; Giám đốc Sở GTVT đã ban hành Kế hoạch số 09/KH-SGTVT ngày 09/02/2021 về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021.

Thời gian kiểm tra được triển khai thực hiện vào quý III và quý IV năm 2021. Căn cứ vào kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính, Văn phòng Sở sẽ tham mưu lãnh đạo Sở thành lập Đoàn kiểm tra và triển khai thực hiện theo quy định.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC

- Thực hiện Quyết định số 701/QĐ-SGTVT ngày 30/12/2020 của Sở GTVT về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021; theo đó, nhiệm vụ triển khai theo Kế hoạch có Kế hoạch tuyên truyền CCHC.

- Sở GTVT đã ban hành Kế hoạch số 08/KH-SGTVT ngày 09/02/2021 về tuyên truyền CCHC năm 2021: nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức, người lao động Sở; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận và hiểu rõ được ý nghĩa, lợi ích của CCHC.

- Việc tuyên truyền CCHC bằng các hình thức: trên trang thông tin điện tử của Sở; phối hợp với Bưu điện tỉnh tuyên truyền tại các bưu cục trên địa bàn tỉnh; thông qua Hội nghị công chức, viên chức và người lao động, lồng ghép trong các cuộc họp giao ban của Sở, các cuộc họp chi bộ...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Ban hành, rà soát và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

- Các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và địa phương được cập nhật thường xuyên tại Sở, quán triệt và tổ chức thực hiện đến các phòng, đơn vị trực thuộc theo đúng quy định hiện hành.

- Hiện tại, Sở GTVT đang tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phạm vi, chức năng quản lý để tham mưu UBND, UBND tỉnh ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung phù hợp theo quy định.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Theo văn bản số 20/VPUBND-KSTT ngày 15/01/2021 của Văn phòng UBND tỉnh về đăng ký danh mục TTHC thực hiện rà soát, đánh giá năm 2021; Sở GTVT đăng ký danh mục TTHC thực hiện rà soát, đánh giá và xây dựng phương án đơn giản năm 2021 đối với 01 TTHC là: Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp.

Ngày 29/01/2021, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 380/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định; theo đó, Sở GTVT được giao nhiệm vụ rà soát, đánh giá và xây dựng phương án đơn giản hóa đối với 01 TTHC, hoàn thành trong tháng 8/2021.

- Thực hiện Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định; Sở GTVT đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục TTHC theo các quyết định: Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 16/3/2021, Quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 06/4/2021, Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 12/5/2021.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Về rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức

Thực hiện Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Định; đồng thời thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Quyết định số 76/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quy trình, trách nhiệm xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định; Sở Giao thông vận tải đã tổ chức lấy ý kiến của các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh đối với dự thảo Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Định. Tổng hợp ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành đối với dự thảo quyết định, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Định. Ngày 20/3/2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Định.

Ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức biên chế của các phòng thuộc Sở theo quy định tại Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của UBND tỉnh.

Tiếp tục tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý

công chức trong toàn Sở. Đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc của Sở GTVT và thực hiện nghiêm túc quy chế công tác đã ban hành, tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa các phòng, ban và các đơn vị trực thuộc Sở trong giải quyết công việc.

Về tổ chức bộ máy:

Nội dung	Năm trước	Năm báo cáo
1. Số phòng thuộc Sở	05	05
2. Số đơn vị sự nghiệp thuộc Sở	03	03

b) Về thực hiện phân cấp, quản lý

Trong Quý IV/2020, Sở GTVT tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 69/2020/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh. Theo đó, Sở GTVT quản lý các tuyến đường tỉnh và các tuyến đường khác do UBND tỉnh giao; cấp giấy phép đối với các công trình thiết yếu trên hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác do UBND tỉnh giao. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2020.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức

a) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

- Về quản lý biên chế

Tổng số biên chế, lao động được giao			Tổng số biên chế, lao động hiện có		
Biên chế hành chính		Biên chế sự nghiệp	Biên chế hành chính		Biên chế sự nghiệp
Biên chế	Hợp đồng lao động		Biên chế	Hợp đồng lao động	
57	05	0	54	05	0

- Thực hiện các quy định quản lý công chức, viên chức

Nội dung	Năm trước	Năm báo cáo (số lượng)				
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng
Đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Sở và tương đương						
Bổ nhiệm mới	05					

Bổ nhiệm lại						
Luân chuyển						
Từ chức						
Miễn nhiệm						
Kỷ luật						
Số lượng công chức, viên chức được tuyển dụng						
Công chức	07					
Viên chức						

b) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Sở GTVT đã lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2021, giai đoạn 2021-2025 theo Văn bản số 141/SGTVT-VP ngày 02/02/2021.

Theo Kế hoạch của Sở GTVT và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của Sở Nội vụ trong năm 2021, về cơ bản Sở GTVT đều cử đúng đối tượng để đi đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với vị trí việc làm được phê duyệt.

Nội dung	Năm trước	Năm báo cáo				
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng
1. Số lượt công chức hành chính						
Đào tạo từ trình độ thạc sỹ trở lên						
Đào tạo trình độ đại học						
Đào tạo ngắn hạn						
Lớp bồi dưỡng, tập huấn	50	01	01			
2. Viên chức sự nghiệp						
Đào tạo từ trình độ thạc sỹ trở lên						
Đào tạo trình độ đại học						
Đào tạo ngắn hạn						
Lớp bồi dưỡng, tập huấn	17	03	15			

5. Cải cách tài chính công

Sở Giao thông vận tải đã tổ chức triển khai thực hiện theo các nghị định của Chính phủ: số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 Quy định chế độ tự chủ,

tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, đã góp phần có hiệu quả đối với công tác cải cách tài chính công tại cơ quan Sở và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

Thực hiện các Nghị định số: 130/2005/NĐ-CP và 117/2013/NĐ-CP		Thực hiện Nghị định số: 141/2016/NĐ-CP	
Đã thực hiện	Tổng số cơ quan hành chính	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Đã thực hiện
01	01	03	03

6. Hiện đại hóa hành chính

a) Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan, đơn vị

- Sở GTVT đã ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2021 theo Kế hoạch số 07/KH-SGTVT ngày 09/02/2021.

- Tình hình triển khai ứng dụng CNTT trong 6 tháng đầu năm năm 2021 tại cơ quan Sở GTVT đạt hiệu quả cao: Tất cả các văn bản đi, đến đều qua Văn phòng điện tử (Idesk), 100% văn bản đi được ký số và gửi qua trực liên thông (*trừ trường hợp các đơn vị không sử dụng hệ thống văn phòng điện tử và văn bản Mật*).

Công tác triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành của Sở GTVT được triển khai đồng bộ và có hiệu quả, các phần mềm: Nova, VBMS (quản lý cầu), VPROMMS (quản lý đường), GovOne (quản lý, giám sát bảo trì đường bộ), quản lý giấy phép lái xe, quản lý học viên, quản lý cải tạo xe cơ giới, Misa, phần mềm bảo hiểm xã hội, phần mềm quản lý tiền lương, phần mềm dịch vụ công trực tuyến kho bạc... được ứng dụng rộng rãi trong công tác chuyên môn của Sở GTVT, góp phần tích cực vào việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Triển khai chữ ký số đến từng chuyên viên để ký nháy trên văn bản điện tử; tăng cường sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để chia sẻ thông tin, tài liệu và trao đổi trong giải quyết công việc; Trang thông tin điện tử của Sở đầy đủ các chuyên mục theo quy định, thường xuyên đăng tải các văn bản, tin/bài, thông tin chỉ đạo, tuyên truyền kịp thời; 100% công chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ nhằm phục vụ trao đổi văn bản, tài liệu, xử lý công việc cơ quan.

- Tình hình triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
1	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	<i>Thủ tục</i>	09
2	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	<i>Thủ tục</i>	10
3	Tổng số TTHC mức độ 3 có phát sinh hồ sơ trực tuyến	<i>Thủ tục</i>	7
4	Tổng số TTHC mức độ 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến	<i>Thủ tục</i>	5
5	Số hồ sơ TTHC mức độ 3 được tiếp nhận trong 6 tháng đầu năm 2021 (<i>cả hình thức trực tuyến và truyền thống</i>)	<i>Hồ sơ</i>	4.353
5.1	Trong đó: Số hồ sơ TTHC mức độ 3 được tiếp nhận hình thức trực tuyến	<i>Hồ sơ</i>	900
5.2	Số hồ sơ TTHC mức độ 3 được xử lý/giải quyết trực tuyến	<i>Hồ sơ</i>	895
6	Số hồ sơ TTHC mức độ 4 được tiếp nhận trong 6 tháng đầu năm 2021 (<i>cả hình thức trực tuyến và truyền thống</i>)	<i>Hồ sơ</i>	660
6.1	Trong đó: Số hồ sơ TTHC mức độ 4 được tiếp nhận hình thức trực tuyến	<i>Hồ sơ</i>	101
6.2	Số hồ sơ TTHC mức độ 4 được xử lý/giải quyết trực tuyến	<i>Hồ sơ</i>	101

b) Tình hình áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Sở GTVT đã công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Sở GTVT theo Quyết định số 647/QĐ-SGTVT ngày 18/12/2019 với 58 TTHC được áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy trình giải quyết thủ tục hành chính hiện hành để phù hợp với hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 đang áp dụng tại Sở.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Công tác cải cách hành chính thực hiện tại Sở GTVT trong thời gian qua đạt hiệu quả, các thủ tục hành chính được thực hiện theo đúng quy định hiện hành, được niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và trang thông tin điện tử của Sở GTVT, tạo điều kiện tốt nhất cho tổ chức, cá nhân đến liên hệ công tác khi có nhu cầu. Công chức, viên chức thực hiện công tác cải cách hành chính đáp ứng được nhu

cầu công việc, trình độ chuyên môn và tinh thần thái độ phục vụ Nhân dân, ý thức kỷ luật của công chức, viên chức ngày càng được nâng cao.

IV. NHIỆM VỤ CCHC QUÝ III NĂM 2021

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác CCHC tại cơ quan Sở và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc.
- Triển khai thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính theo Kế hoạch.
- Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh mở các lớp tập huấn về công tác CCHC để công chức, viên chức ngày càng hoàn thiện kỹ năng thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, góp phần cải thiện chỉ số CCHC của tỉnh.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2021 của Sở GTVT, đề nghị Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP Sở.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Hòa

Phụ lục
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021 TẠI SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SGTVT ngày /6/2021 của Sở Giao thông vận tải)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm 2021)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	26	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	15	Đã ban hành các Kế hoạch, Quyết định
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	06	Lồng ghép vào các Thông báo chỉ đạo của Giám đốc Sở tại các cuộc họp giao ban hàng tháng
1.2.	Kiểm tra CCHC			Thực hiện trong quý III, quý IV
1.2.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.2.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.2.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.2.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm 2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1		
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản		Tiếp tục rà soát các VBQPPL do HDND, UBND tỉnh ban hành thuộc chức năng quản lý của Sở GTVT để kiến nghị sửa đổi, bổ sung theo quy định
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	08	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	09	Trong đó: 03 TTHC được chuẩn hóa; 06 TTHC được sửa đổi
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	72	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm 2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	72	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục		
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	01	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	01	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	72	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm 2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	19	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục		
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	01	
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị		
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
Trong đó	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	03	
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	57	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	54	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	05	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm 2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	01	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0		
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	01	Giám đốc Sở GTVT
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm 2021)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức <i>(cả về Đảng và chính quyền)</i> .			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	03	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị		
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị		
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị		
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị		
7.	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm 2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.			
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%		
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	1623	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%		
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm 2021)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	09	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	10	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	99,45	
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	100	